

Số: 2723/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 29 tháng 7 năm 2024

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp, Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của các quyết định liên quan đến công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 277/TTr-SNN ngày 26 tháng 7 năm 2024.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính ban hành mới; 03 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp, Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 2.** Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1313/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2019; Quyết định số 3228/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**Điều 3.** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm rà soát, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo quy định tại Điều 10 Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

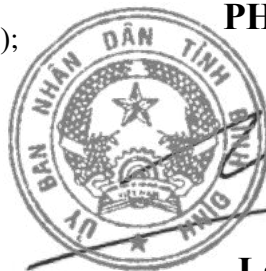
**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Bình Định;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học-Công báo;
- Lưu: VT, K10, K13, KSTT.

*Thao*

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hải Giang**

**DANH MỤC 09 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI; 03 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP, KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (09 TTHC)**

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI (06 TTHC)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính							
<b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>								
<b>I. Lĩnh vực lâm nghiệp</b>								
1	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý  1.012687	55 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Một phần	-	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Cấp tỉnh
<b>II. Lĩnh vực kiểm lâm</b>								
2	Quyết định giao rừng	- Ủy ban nhân dân	Trung tâm	Có	Một phần	-	Nghị định số	Cấp

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính							
	cho tổ chức  1.012688	cấp tỉnh ban hành Quyết định giao rừng: 35 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định giao rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn				91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	tỉnh
3	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức  1.012689	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Một phần	-	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính							
			Trung, thành phố Quy Nhơn				phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	
4	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý  1.012690	15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Một phần	-	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Cấp tỉnh
5	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng  1.012691	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Một phần	-	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Cấp tỉnh
6	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều	Trung tâm Phục vụ hành chính	Có	Một phần	-	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ	Cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số thủ tục hành chính							
	mục đích khác 1.012692	chính chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	công tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn				sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	
<b>Tổng cộng: 06 TTHC</b>								

## II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (03 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
<b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>									
<b>I. Lĩnh vực lâm nghiệp</b>									
1	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý  1.000084	45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Một phần	-	- Tên thủ tục hành chính; - Thời gian giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý;	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Cấp tỉnh
2	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý  1.000081	45 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Một phần	-	- Tên thủ tục hành chính; - Thời gian giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý;	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm	Cấp tỉnh

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
<b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>									
								ng nghiệp	
<b>II. Lĩnh vực kiểm lâm</b>									
3	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 3.000152	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</li> <li>- Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích</li> </ul>	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 127 đường Hai Bà Trưng, thành phố Quy Nhơn	Có	Một phần	-	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành phần hồ sơ;</li> <li>- Thời hạn giải quyết;</li> <li>- Căn cứ pháp lý.</li> </ul>	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Cấp tỉnh



STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC								
<b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>									
		sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.							
<b>Tổng cộng: 03 TTHC</b>									

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI CẤP HUYỆN (02 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
<b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>								
<b>I. Lĩnh vực kiểm lâm</b>								
1	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân  1.012694	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	-	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số	Cấp huyện

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
							điều của Luật Lâm nghiệp	
2	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng  1.012695	20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Bộ phận Một cửa cấp huyện	Có	Một phần	-	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp	Cấp huyện
<b>Tổng cộng: 02 TTHC</b>								

### C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI CẤP XÃ (01 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông
	Mã số TTHC							
<b>Thủ tục hành chính công bố theo Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>								
<b>I. Lĩnh vực kiểm lâm</b>								
1	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư	50 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Một cửa cấp xã	Có	Một phần	-	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị	Cấp huyện

